

Số: 4790/KH-UBND

Đồng Nai, ngày 23 tháng 5 năm 2017

KẾ HOẠCH

Triển khai xác định Bộ Chỉ số cải cách hành chính, công vụ các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2017

Thực hiện Quyết định số 1560/QĐ-UBND ngày 12/5/2017 của UBND tỉnh ban hành Bộ Chỉ số cải cách hành chính, công vụ năm 2017;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính, công vụ của các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cụ thể:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN

1. Mục đích

a) Tổ chức đánh giá và phân loại kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, công vụ của các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần trong Chỉ số cải cách hành chính, công vụ đã được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 1560/QĐ-UBND ngày 12/5/2017.

b) Trên cơ sở kết quả đánh giá, phân loại cải cách hành chính, công vụ được công bố hàng năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ của đơn vị cho phù hợp với yêu cầu chung của tỉnh; phát huy những mặt ưu điểm, tích cực, kịp thời khắc phục được những thiếu sót, hạn chế, góp phần nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính, công vụ; đề ra các giải pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả công tác, kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức hợp lý.

c) Làm cơ sở để bình xét thi đua cho các cơ quan, đơn vị và đánh giá phân loại công chức, viên chức; đánh giá chức trách công vụ của công chức, viên chức thuộc các bộ phận chuyên môn.

2. Yêu cầu

- Việc đánh giá phải đảm bảo khách quan, khoa học, công khai, công bằng, phản ánh đúng những kết quả đã đạt được trong năm của cơ quan, đơn vị.

- Đánh giá tương đối toàn diện các lĩnh vực chủ yếu của cải cách hành chính, công vụ, chức năng, nhiệm vụ được giao và kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Đảm bảo tính kịp thời của việc đánh giá, phân loại kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, công vụ hàng năm để đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính, công vụ.

- Việc theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện phải được thực hiện thường xuyên, liên tục.

3. Đối tượng thực hiện

- Các sở, ban, ngành của tỉnh;

- UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

II. CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, CÔNG VỤ CỦA SỞ, BAN NGÀNH

1. Về nội dung đánh giá

1.1. Phần 1: đánh giá Chỉ số cải cách hành chính (50%)

Gồm 09 lĩnh vực, 27 tiêu chí và 51 tiêu chí thành phần:

- Chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính: 5 tiêu chí, 12 tiêu chí thành phần, đạt 12/100 điểm;
- Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật: 3 tiêu chí, 7 tiêu chí thành phần, đạt 8/100 điểm;
- Cải cách thủ tục hành chính: 2 tiêu chí, 13 tiêu chí thành phần, đạt 27/100 điểm;
- Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước: 3 tiêu chí, 3 tiêu chí thành phần, đạt 6/100 điểm;
- Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: 3 tiêu chí, 6 tiêu chí thành phần, đạt 14/100 điểm;
- Cải cách cơ chế quản lý tài chính công: 4 tiêu chí, đạt 4/100 điểm;
- Hiện đại hóa nền hành chính: 4 tiêu chí, 9 tiêu chí thành phần, đạt 16/100 điểm;
- Sáng kiến, cách làm mới trong triển khai cải cách hành chính: đạt 10/100 điểm;
- Kết quả tham mưu triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính thuộc trách nhiệm của đơn vị trên địa bàn tỉnh: 3 tiêu chí, đạt 3/100 điểm.

1.2. Phần 2: đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, công vụ (30%)

Thực hiện theo phương pháp đánh giá quy định tại Quyết định số 49/2016/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 của UBND tỉnh về đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các sở ban ngành, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh và UBND cấp huyện. Đánh giá công vụ gồm 03 nội dung như sau:

Nội dung 1: kết quả tham mưu, thực hiện các Đề án, Chương trình, Kế hoạch thuộc lĩnh vực, nhiệm vụ được giao theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh (trọng số 20%, tối đa 20 điểm).

Nội dung 2: kết quả thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ được xác định trong quy định tổ chức và hoạt động của cơ quan, đơn vị (trọng số 50%, tối đa 50 điểm).

Nội dung 3: Kết quả thực hiện các công tác nội bộ của cơ quan, đơn vị (trọng số 30%, tối đa 30 điểm).

1.3. Phần 3: đánh giá kết quả chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính (20%)

Nội dung đánh giá tương tự như quy định tại Quyết định số 49/2016/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 của UBND tỉnh về đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các sở ban ngành, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh và UBND cấp huyện.

2. Về phương pháp tính điểm và quy đổi điểm

2.1. Phần 1: đánh giá Chỉ số cải cách hành chính (50%)

a) Thang điểm và cách tính chỉ số CCHC

- Thang điểm đánh giá là 100 điểm và được xác định cụ thể đối với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần trong Chỉ số cải cách hành chính các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và cấp xã.

- Cách tính chỉ số cải cách hành chính: "Điểm tự đánh giá" của các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện được UBND tỉnh xem xét, công nhận gọi là "điểm UBND tỉnh đánh giá"; Chỉ số cải cách hành chính được xác định bằng tỉ lệ phần trăm (%) giữa "điểm UBND tỉnh đánh giá" và "tổng điểm tối đa" (100 điểm).

b) Phương pháp quy đổi sang điểm tổng của Bộ chỉ số (50%)

Tổng điểm phần 1 quy đổi như sau:

Từ 95 điểm đến 100 điểm cải cách hành chính: 50 điểm

Từ 90 điểm đến dưới 95 điểm cải cách hành chính: 45 điểm

Từ 85 điểm đến dưới 90 điểm cải cách hành chính: 40 điểm

Từ 80 điểm đến dưới 85 điểm cải cách hành chính: 35 điểm

Từ 75 điểm đến dưới 80 điểm cải cách hành chính: 30 điểm

Từ 70 điểm đến dưới 75 điểm cải cách hành chính: 25 điểm

Từ 65 điểm đến dưới 70 điểm cải cách hành chính: 20 điểm

Từ 60 điểm đến dưới 65 điểm cải cách hành chính: 15 điểm

Từ 55 điểm đến dưới 60 điểm cải cách hành chính: 10 điểm

Từ 50 điểm đến dưới 55 điểm cải cách hành chính: 5 điểm

Dưới 50 điểm cải cách hành chính: 0 điểm

2.2. Phần 2: đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, công vụ (30%)

- Phương pháp tính điểm như quy định tại Quyết định số 49/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

- Phương pháp quy đổi điểm (30%):

Tổng điểm phần 2 = tổng điểm đánh giá công vụ đạt được x 30%

2.3. Phần 3: đánh giá kết quả chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính

- Phương pháp tính điểm như quy định tại Quyết định số 49/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

- Phương pháp quy đổi điểm:

Đơn vị không có văn bản phê bình nhắc nhở, văn bản khen thưởng, không có cá nhân, tập thể vi phạm kỷ luật được 15 điểm.

Đơn vị có phát sinh văn bản phê bình nhắc nhở, khen thưởng, vi phạm kỷ luật tính điểm như sau:

Tổng điểm phần 3 = 10 - (điểm trừ) + (điểm cộng).

Tổng điểm phần 3 thấp nhất không quá 0 điểm, tối đa không quá 20 điểm, nếu tổng điểm dưới 0 thì được tính là 0 điểm, tổng điểm trên 20 thì được tính là 20 điểm.

3. Thang điểm đánh giá chỉ số cải cách hành chính, công vụ của Sở, ban ngành

Điểm chỉ số cải cách hành chính, công vụ của Sở, ban ngành sẽ là tổng điểm quy đổi của 03 nội dung đánh giá tại mục 1 này, căn cứ điểm tổng đạt được để đánh giá xếp loại:

Từ 90 đến 100 điểm: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (A+)

Từ 70 đến dưới 90 điểm: Hoàn thành tốt nhiệm vụ (A)

Từ 50 đến dưới 70 điểm: Hoàn thành nhiệm vụ (B)

Dưới 50 điểm: Không hoàn thành nhiệm vụ (C)

III. CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, CÔNG VỤ CỦA UBND CẤP HUYỆN

1. Về nội dung đánh giá: Chỉ số cải cách hành chính, công vụ của UBND cấp huyện bao gồm 03 phần:

1.1. Phần 1: đánh giá Chỉ số cải cách hành chính (50%)

Gồm 08 lĩnh vực, 26 tiêu chí và 52 tiêu chí thành phần:

- Chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính: 6 tiêu chí, 12 tiêu chí thành phần, đạt 15/100 điểm;

- Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật: 3 tiêu chí, 8 tiêu chí thành phần, đạt 8/100 điểm;

- Cải cách thủ tục hành chính: 3 tiêu chí, 13 tiêu chí thành phần, đạt 26/100 điểm;

- Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước: 3 tiêu chí, 3 tiêu chí thành phần, đạt 6/100 điểm;

- Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: 3 tiêu chí, 6 tiêu chí thành phần, đạt 14/100 điểm;

- Cải cách cơ chế quản lý tài chính công: 4 tiêu chí, đạt 4/100 điểm;

- Hiện đại hóa nền hành chính: 4 tiêu chí, 10 tiêu chí thành phần, đạt 17/100 điểm;

- Sáng kiến, cách làm mới trong triển khai cải cách hành chính: đạt 10/100 điểm.

1.2. Phần 2: đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ công vụ (30%)

Thực hiện theo phương pháp đánh giá quy định tại Quyết định số 49/2016/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 của UBND tỉnh về đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các sở ban ngành, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh và UBND cấp huyện. Nội dung đánh giá công vụ gồm 02 nội dung như sau:

Nội dung 1: Kết quả thực hiện các nhóm chỉ tiêu được giao (trọng số 40%, tối đa 40 điểm)

Nội dung 2: Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của UBND cấp huyện (trọng số 60%, tối đa không vượt quá 60 điểm)

1.3. Phần 3: đánh giá kết quả chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính (20%)

Nội dung đánh giá tương tự như hướng dẫn tại Quyết định số 49/2016/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 của UBND tỉnh về đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các sở ban ngành, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh và UBND cấp huyện.

2. Phương pháp quy đổi điểm: tương tự như đối với các Sở ban ngành.

IV. KINH PHÍ

Kinh phí triển khai xác định chỉ số cải cách hành chính, công vụ được đảm bảo bằng nguồn ngân sách nhà nước của tỉnh và thực hiện theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Đối với cấp tỉnh: Hàng năm, giao Sở Nội vụ căn cứ vào nội dung kế hoạch, lập dự toán kinh phí gửi Sở Tài chính thẩm định và báo cáo UBND tỉnh phê duyệt. Kinh phí xác định Bộ Chỉ số CCHC, công vụ năm 2017 các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện là **53.550.000 đồng** (năm mươi ba triệu năm trăm năm chục ngàn) do Sở Tài chính cấp cho Sở Nội vụ từ nguồn kinh phí cải cách hành chính của tỉnh năm 2017 (*phụ lục kinh phí kèm theo*).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổ chức tự đánh giá kết quả cải cách hành chính, công vụ

Giám đốc các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố nghiêm túc chỉ đạo việc thực hiện đánh giá Bộ Chỉ số cải cách hành chính, công vụ thường xuyên, kịp thời, chính xác, đảm bảo cho việc phân loại, đánh giá được hiệu quả.

Các cơ quan, đơn vị tự đánh giá kết quả công tác cải cách hành chính, công vụ hàng năm của đơn vị mình bằng cách cho điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số cải cách hành chính (ban hành theo Quyết định số 1560/QĐ-UBND ngày 12/5/2017 của UBND tỉnh), kèm theo tài liệu kiểm chứng.

Đối với những tiêu chí, tiêu chí thành phần không có tài liệu kiểm chứng hoặc tài liệu kiểm chứng chưa thể hiện hết nội dung đánh giá, chấm điểm, đơn vị phải có giải thích cụ thể bằng văn bản về cách đánh giá, tính điểm.

2. Tổ chức thẩm định, đánh giá kết quả tự chấm điểm của các cơ quan, đơn vị

Để thực hiện hiệu quả việc đánh giá Bộ Chỉ số cải cách hành chính, công vụ hàng năm của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện; căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, UBND tỉnh phân công như sau:

2.1. Sở Nội vụ

a) Là cơ quan chủ trì tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện kế hoạch này:

- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị tiến hành tự đánh giá, chấm điểm Bộ Chỉ số cải cách hành chính, công vụ; tổng hợp kết quả tự đánh giá và thực hiện công tác kiểm tra thực tế việc tự chấm điểm tại (ít nhất 50% các đơn vị, địa phương); phối hợp với các cơ quan được phân công thực hiện việc thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các đơn vị.

- Tham mưu UBND tỉnh đánh giá, công nhận kết quả, công bố chỉ số CCHC, công vụ.

- Lập dự toán kinh phí thực hiện kế hoạch hàng năm gửi Sở Tài chính thẩm định và báo cáo UBND tỉnh phê duyệt.

b) Trực tiếp thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các đơn vị về các lĩnh vực:

- Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC;
- Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông;
- Cải cách tổ chức bộ máy nhà nước;
- Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;
- Sáng kiến, cách làm mới trong cải cách hành chính;
- Kết quả tham mưu triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính thuộc trách nhiệm của đơn vị trên địa bàn tỉnh.
- Kết quả thực hiện chức năng nhiệm vụ, công vụ.

c) Hàng năm tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm để kịp thời điều chỉnh những vướng mắc khó khăn phát sinh nếu có.

2.2. Văn phòng UBND tỉnh

Phối hợp với Sở Nội vụ trình UBND tỉnh công bố chỉ số CCHC, công vụ hàng năm của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

2.3. Sở Tư pháp

Thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm CCHC của các đơn vị về lĩnh vực:

- Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật;
- Công tác kiểm soát TTHC, công khai TTHC.

2.4. Sở Tài chính

a) Chịu trách nhiệm bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch, hướng dẫn Sở Nội vụ thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành.

b) Thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các đơn vị về lĩnh vực cải cách cơ chế quản lý tài chính công.

2.5. Sở Thông tin và Truyền thông

Thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các đơn vị về lĩnh vực hiện đại hóa nền hành chính, gồm 03 tiêu chí:

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt quản lý hành chính;
- Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính;
- Chất lượng trang thông tin điện tử của đơn vị.

2.6. Sở Khoa học và Công nghệ

Thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các đơn vị về tiêu chí áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO vào hoạt động của cơ quan (thuộc lĩnh vực hiện đại hóa nền hành chính).

2.7. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Kết quả tham mưu triển khai Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) hàng năm thuộc lĩnh vực số 9 trong Chỉ số.

3. Thời gian thực hiện

- Trước ngày 15/11/2017, các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện hoàn thành công tác tự đánh giá, chấm điểm Phần 1 đánh giá CCHC của đơn vị, địa phương và gửi kết quả về Sở Nội vụ để các cơ quan có liên quan tổ chức thẩm định theo quy định.

- Trước ngày 01/12/2017, các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện hoàn thành công tác tự đánh giá, chấm điểm Bộ chỉ số CCHC, công vụ hoàn chỉnh của đơn vị, địa phương và gửi về cơ quan chủ trì thực hiện kế hoạch (Sở Nội vụ).

- Từ ngày 15/11 đến 25/12/2017, các cơ quan được phân công, tổ chức thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các cơ quan đơn vị và tham mưu UBND tỉnh đánh giá, xếp loại theo thẩm quyền.

- Từ ngày 26/12/2017 đến 09/01/2018, Sở Nội vụ lấy ý kiến thành viên UBND tỉnh, trình lãnh đạo tỉnh ban hành Quyết định đánh giá, xếp loại đối với các đơn vị, địa phương.

- Từ ngày 10/01 đến 20/01/2018, UBND tỉnh sẽ công bố Bộ Chỉ số cải cách hành chính năm 2017 của các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được phân công trong kế hoạch.

Các cơ quan, đơn vị tham khảo Bộ Chỉ số cải cách hành chính, công vụ của sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; kế hoạch này tại địa chỉ website: caicachhanhchinh.dongnai.gov.vn).

Trong quá trình thực hiện kế hoạch, nếu có vướng mắc, phát sinh, các đơn vị báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) để chỉ đạo, xử lý kịp thời./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh (VX);
- Lưu: VT, HCTC, Sở Nội vụ (02 bản).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



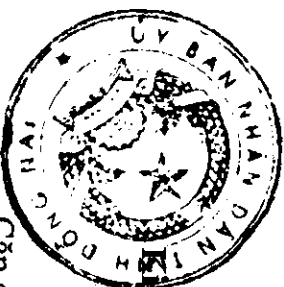
Trần Văn Vinh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

PHỤ LỤC

**Kinh phí triển khai Kế hoạch xác định Chi số CCHC các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện năm 2017
(Kèm theo Kế hoạch số 2790/KH-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)**



Căn cứ Thông tư số 172/2012/TT-BTC ngày 22/10/2012 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước và các nội dung chi, mức chi của Quyết định số 06/2008/QĐ-UBND ngày 18/01/2008 của UBND tỉnh về các đề tài, dự án khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, UBND tỉnh ban hành phụ lục kinh phí triển khai thực hiện xác định chi số CCHC năm 2017, như sau:

TT	Nội dung chi	Cơ quan chủ trì, phối hợp thực hiện	Mức chi	Thành tiền (VNĐ)
1	Văn phòng phẩm, photo tài liệu	Sở Nội vụ	Văn phòng phẩm, photo các tài liệu: Kế hoạch triển khai chi số; các tài liệu kiểm chứng; các báo cáo phục vụ đánh giá, xếp hạng chi số CCHC,...: 2.000.000đ	2.000.000
2	Chi hỗ trợ các thành viên đi kiểm tra thực tế (ngoài công tác phí) tại 15 đơn vị, gồm: 10 Sở và 5 UBND cấp huyện	Sở Nội vụ	05 người x 15 đơn vị x 100.000 đồng/đơn vị = 7.500.000đ	7.500.000
3	Chi hỗ trợ các thành viên tổ thẩm định kết quả tự đánh giá của 20 sở, ban, ngành và 11 UBND cấp huyện (ngoài công tác phí)	Sở Nội vụ chủ trì phối hợp các sở: Tư pháp, Tài chính, Khoa học và Công học và Công	10 người x 31 đơn vị x 100.000 đồng/đơn vị = 31.000.000đ	31.000.000

TT	Nội dung chi	Cơ quan chủ trì, phối hợp thực hiện	Mức chi	Thành tiền (VNĐ)
4	Báo cáo tổng hợp kết quả xác định Chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện năm 2017	Sở Nội vụ	8.500.000đ	8.500.000
5	Tổ chức Hội nghị công bố chỉ số CCHC, công vụ năm 2017	Sở Nội vụ	- Photo tài liệu phục vụ Hội nghị: 25 tờ x 300 đ/tờ x 100 người = 750.000đ; - Trang trí Hội trường: 800.000đ; - Nước uống cho đại biểu: 100 người x 30.000đ = 3.000.000đ;	4.550.000
TỔNG: 53.550.000đ (Năm mươi ba triệu năm trăm năm chục ngàn)				